

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 307/2022/DS-PT

Ngày: 06-12-2022

V/v tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc;

Bà Dương Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 344/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2021/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 330/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Đ1, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu phố LT, phường LH, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Đ2, sinh năm 1968, cư trú tại: Khu phố TP, phường AT, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1975; bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1960; cùng trú tại: Khu phố TP, phường AT, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1984, cư trú tại: Tổ 4, ấp BT 1, xã TAH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị Đ2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ1 trình bày:

Năm 2014, cha mẹ bà là ông Đỗ Văn M (chết năm 2017) và bà Phạm Thị T có tặng cho bà phần đất có diện tích 1.647,5 m², thửa 730, tờ bản đồ 15 và tặng cho bà Đỗ Thị Đ2 phần đất có diện tích đất 2.330 m², thửa 371, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại ấp BM, xã AT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh, nay là khu phố BM, xã AT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh. Nhưng do thời điểm đó, vợ chồng bà đang xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên bà nhờ bà Đỗ Thị Đ2 đứng tên dùm. Cha mẹ bà đã lập hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Đ2 đứng tên toàn bộ hai thửa đất trên.

Sau khi bà Đ2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà có nhờ bà Đ2 làm thủ tục tách thửa như sau: Thửa 730 tách thành thửa 755 diện tích 548,5 m² và thửa 839, diện tích 1.099 m². Năm 2015, bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Huỳnh Thị C diện tích 548,5 m², với giá chuyển nhượng là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, khi chuyển nhượng nhờ bà Đ2 ký tên làm thủ tục sang tên. Năm 2018, bà tiếp tục nhờ bà Đ2 làm thủ tục tách thửa 839 thành thửa 942 diện tích 275 m² và thửa 943 diện tích 824 m², sau đó bà chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hồng H diện tích 824 m², với giá chuyển nhượng là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Diện tích đất còn lại là 275 m², thửa 942, tờ bản đồ 15 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố Bàu Mây, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Các lần bà chuyển nhượng thì bà Đ2 đều đồng ý ký tên chuyển nhượng. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất đang tranh chấp do bà Đ2 giữ, nguyên nhân là do các lần tách thửa, sang tên đất bà Đ2 đi làm, lần cuối tách giấy, sang tên cho bà H thì bà Đ2 yêu cầu được giữ giấy, thời điểm đó ông Kha (là anh ruột của bà, đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Tịnh yêu cầu bà giao giấy cho bà Đ2 giữ rồi sau này tính sau, hiện nay ông Kha đã chết). Nay bà yêu cầu bà Đ2 trả lại diện tích đất 275 m² nêu trên, bà đồng ý hỗ trợ bà Đ2 số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng, công bà Đ2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm bà.

Bị đơn bà Đỗ Thị Đ2 trình bày:

Bà thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà ông Đỗ Văn M

và bà Phạm Thị T. Đối với việc chuyển nhượng cho ông T, bà C và bà H là có diễn ra nhưng vì bà thương em nên mới cho bà Đ1 bán để xoay xở kinh tế gia đình. Bà công nhận trước đây vợ chồng bà Đ1 có xảy ra mâu thuẫn nên cha bà không tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Đ1, để khi nào vợ chồng bà Đ1 yên ổn mới làm thủ tục tặng cho nhưng sau đó sức khỏe của cha bà không được tốt nên cha bà sang tên cho ông Nhân đứng phần của bà Đ1. Phần đất cha mẹ cho bà Đ1 nằm trong phần cha mẹ giao cho ông Nhân đứng tên. Bà khẳng định bà vì thương em nên cho bà Đ1 bán hai phần đất trên để xoay sở kinh tế gia đình, không phải là việc bà đứng tên hộ, vì phần đất tranh chấp trên là của bà, cha mẹ đã cho riêng bà. Nay bà không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà Đ1. Nếu bà Đ1 thanh toán cho bà số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng thì bà sẽ giao lại quyền sử dụng đất cho bà Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T trình bày: Cha mẹ ông có 07 người con gồm: Đỗ Văn B, Đỗ Thị Đ2, Đỗ Văn K, Đỗ Văn T, Đỗ Thị Đ3, Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thành N. Cha mẹ ông có cho mỗi người con trai khoảng 30 – 40 cao đất, mỗi người con gái thì được cho phần đất ngang 30 m, tại khu phố BM, phường AT, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả các anh chị em của ông đã làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Riêng phần của bà Đỗ Thị Đ1 do thời điểm cha mẹ cho đất bà Đ1 có mâu thuẫn với chồng nên nhờ bà Đỗ Thị Đ2 đứng tên dùm, khi bà Đ1 có nhu cầu sử dụng đất hoặc sang nhượng đất thì bà Đ2 làm thủ tục sang tên lại. Năm 2016, vợ chồng ông có mua của bà Đ1 phần đất ngang 10 m ngang, diện tích 548,5 m², với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, hình thức thanh toán là bà Đ1 cầm trừ nợ đã vay của ông nhưng thủ tục giấy tờ sang tên là từ bà Đ2 qua vợ chồng ông. Năm 2018, bà Đ1 tiếp tục bán phần đất ngang 15 m, diện tích 824 m² cho bà Lê Thị Hồng H, trú tại ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (cháu chồng của bà Đ1). Phần đất của bà Đ1 còn lại 5 m ngang, diện tích 275 m², nay bà Đ2 không đồng ý giao lại phần đất trên cho bà Đ1 nên bà Đ1 khởi kiện tranh chấp với bà Đ2. Ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì với bà Đ1 và bà Đ2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Bà là vợ ông T, thống nhất với lời trình bày của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng H trình bày:

Vào năm 2018, bà có nhận chuyển nhượng phần đất ngang 15 m, diện tích 824 m², tọa lạc tại khu phố BM, phường AT, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh từ

bà Đ1 với giá là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, bà đã trả đủ tiền và đã nhận đất sử dụng. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà ký kết với bà Đỗ Thị Đ2, do giấy đất bà Đ1 nhờ bà Đ2 đứng tên dùm. Bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì với bà Đ2 và bà Đ1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ1 về tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất đối với bà Đỗ Thị Đ2.

- Buộc bà Đỗ Thị Đ2 có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Đỗ Thị Đ1 quyền sử dụng diện tích đất 275 m², thửa 942, tờ bản đồ 15 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố Bàu Mây, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh,

- Ghi nhận bà Đỗ Thị Đ1 đồng ý thanh toán cho bà Đỗ Thị Đ2 số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, bà Đỗ Thị Đ2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đỗ Thị Đ2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ2; sửa bản án sơ thẩm theo hướng trích một phần công sức gìn giữ, đứng tên tài sản cho bà Đỗ Thị Đ2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Đỗ Văn T, bà Huỳnh Thị C, bà Lê Thị Hồng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Đ2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.2] Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ1 khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Đ2 trả lại phần đất có diện tích 275 m² thuộc thửa 942, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại khu phố Bàu Mây, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc phần đất là cha mẹ bà Đ1 cho bà Đ1 nhưng nhờ bà Đ2 đứng tên hộ.

[3.3] Bị đơn bà Đỗ Thị Đ2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ1, vì cho rằng đất tranh chấp cha mẹ bà đã cho bà, còn phần đất cha mẹ cho bà Đ1 nằm trong phần đất giao cho ông Đỗ Thành N đứng tên (bà Đ1, bà Đ2, ông Nhân là chị em ruột). Nếu bà Đ1 thanh toán cho bà 200.000.000 đồng thì bà sẽ giao phần đất tranh chấp cho bà Đ1.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Đ2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp nêu trên là của cụ Đỗ Văn M (chết năm 2017) và cụ Phạm Thị T tạo lập. Cụ Mua, cụ Tư có 07 người con gồm: Ông Đỗ Văn Bao, bà Đỗ Thị Đ2, ông Đỗ Văn Kha, ông Đỗ Văn T, bà Đỗ Thị Đành, bà Đỗ Thị Đ1, ông Đỗ Thành N. Khi cụ Mua còn sống, 2 cụ đã chia đất cho các con, mọi người đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4.2] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ đối với cụ Phạm Thị T (là mẹ của bà Đ1, bà Đ2) và các anh, chị, em trong gia đình của bà Đ1, bà Đ2, đều xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, sang tên, chuyển nhượng và khẳng định: Đối với phần đất cụ Mua, cụ Tư cho bà Đỗ Thị Đ1, thì bà Đ1 nhờ chị gái là bà Đỗ Thị Đ2 đứng tên thay, vì có mâu thuẫn với chồng.

[4.3] Bà Đ2 cho rằng, vì thương em là bà Đ1 gặp khó khăn nên chuyển nhượng đất của bà để cho bà Đ1 có tiền xoay xở lo kinh tế gia đình là không có căn cứ. Bởi lẽ, dù bà Đ2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Đ1 là người thực hiện chuyển nhượng đất. Năm 2016, bà Đ1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đỗ Văn T, bà Huỳnh Thị C phần đất có diện tích 548,5 m², thuộc thửa 755, được tách từ thửa 730. Ông T, bà C đã được cấp giấy. Năm 2018, bà Đ1 tiếp tục chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hồng H, phần đất có diện tích 824 m², việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà bà Đ1, bà H giao đủ tiền cho vợ

chồng bà Đ1, ông Bớt. Bà H đã được cấp giấy. Cả hai lần chuyển nhượng trên, đều do bà Đ1 đứng ra thực hiện, nhận tiền; còn bà Đ2 chỉ là người ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng.

[4.4] Nên có cơ sở xác định phần đất diện tích đất 275 m², thửa 942, tờ bản đồ 15 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố Bầu Mây, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đỗ Thị Đ1 nhờ bà Đỗ Thị Đ2 là chị gái, đứng tên phần đất này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ1, buộc bà Đ2 có trách nhiệm trả lại cho bà Đ1 quyền sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên là có căn cứ.

[4.5] Yêu cầu của bà Đ2 buộc bà Đ1 phải thanh toán cho bà số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng là không có căn cứ. Tuy nhiên, việc bà Đ2 đứng tên Giấy CNQSDĐ thay bà Đ1 từ năm 2014; nhiều lần bà Đ1 chuyển nhượng đất cho người khác thì bà Đ2 đều đi ký tên, công chứng việc chuyển nhượng đất. Do đó, cần xem xét công sức giữ gìn tài sản và đứng tên hộ của bà Đ2 với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là phù hợp với thực tế xã hội và đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ2. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Chi phí tố tụng: Chi phí do đặc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.500.000 đồng; Bà Đ1 tự nguyện chịu 5.000.000 đồng, ghi nhận đã nộp xong; Bà Đ2 tự nguyện chịu 2.500.000 đồng, ghi nhận đã nộp xong.

[7] Án phí phúc thẩm: Bà Đ2 không phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ1 “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” đối với bà Đỗ Thị Đ2.

2. Buộc bà Đỗ Thị Đ2 có nghĩa vụ trả lại cho bà Đỗ Thị Đ1 quyền sử dụng diện tích đất 275 m², thửa 942, tờ bản đồ 15 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố BM, phường AT, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Dũng (hiện trạng là đường đất rộng 04 m), dài 5 m; Tây giáp đất bà Đỗ Thị Cúc, dài 5 m; Nam giáp đất bà Đỗ Thị Đành, dài 55,05 m; Bắc giáp đất bà Lê Thị Hồng H, dài 55 m. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Đỗ Thị Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị Đ2 số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH13103, Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng cấp cho bà Đỗ Thị Đ2 ngày 27/10/2014 để cấp lại cho bà Đỗ Thị Đ1 theo Quyết định của bản án.

4. Chi phí tố tụng:

Ghi nhận bà Đ1 nhận chịu 5.000.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Đ1 đã nộp đủ.

Ghi nhận bà Đ2 nhận chịu 2.500.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Đ2 đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Đ2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đỗ Thị Đ1 phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014776 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà Đ1 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Đ2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Đ2 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0026748 ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHADS thị xã Trảng Bàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Kim Sang